TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 11 - 2019
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung, cán bộ nghỉ hưu tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà Vũ Thị Xuyến, cán bộ nghỉ hưu tại phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Thương N**, sinh năm: 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: …, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: …, thành phố Uông Bí , tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Quang T**, sinh năm: 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: …, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đinh Thị Thương N và anh Vũ Quang Tr chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, tại Ủy ban nhân dân phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 4, khu 1, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh

mâu thuẫn, cãi vã. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Quá trình chung sống, hai vợ chồng có 01 con chung tên là: Vũ Trung H, sinh ngày 23/11/2016, hiện đang ở cùng chị N.

Quan điểm của chị N: Do cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, tính cách không hợp nhau. Chồng chị có mối quan hệ khác, sống không chung thuỷ với vợ. Cuộc sống vợ chồng rất nặng nề, căng thẳng và không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Chị xác định đến nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; giao con chung cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của anh T: Tại bản tự khai ngày 06/8/2019 và tại phiên tòa, anh T khai: Quá trình kết hôn, chung sống và có con chung với chị N như chị N đã trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Anh muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Nhi phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, do anh T không có mặt.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, ông Hầu Sơn H - Khu trưởng khu 1, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: Sau khi anh T và chị N kết hôn rồi chung sống ở nhà bố mẹ chồng tại tổ 4, khu 1, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T chơi bời, không chịu khó làm ăn. Năm 2017, anh T đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện Quảng Ninh. Vợ chồng đã sống ly thân, chị N về nhà dì của mình ở. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Chị N làm công nhân, có thu nhập ổn định. Anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Biên bản xác minh có xác nhận của chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

1) Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn;

2) Giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc chứ không thể bị ép buộc, nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Hai bên đã không cùng chung sống, không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng sống ly thân, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị N và anh T có 01 con chung vừa mới hơn 36 tháng tuổi, đang ở với mẹ. Chị N có việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc một bên không đủ điều kiện nuôi con thì bên kia vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] **Về án phí**: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] **Về quyền kháng cáo bản án**: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Đinh Thị Thương N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Thương N được ly hôn anh Vũ Quang T.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

2.1. Giao con chung Vũ Trung H, sinh ngày 23/11/2016 cho chị Đinh Thị Thương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi);

2.2. Anh Vũ Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Anh Vũ Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

2.4. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Thương N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000941 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chị Đinh Thị Thương N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- UBND P. Yên Thanh, TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

Nguyễn Thành Lâm